

Bản án số: 02/2020/HCST

Ngày: 10-01-2020

Về việc khiếu kiện Quyết định xử phạt
vi phạm hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quyền

2. Bà Đào Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Châu Thùy Tam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/HCST ngày 26 tháng 02 năm 2019 về “*khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Văn N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: tổ 2, ấp An Cư, xã C, huyện D, tỉnh K

Người bị kiện: Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng.

Cùng địa chỉ: số 985, đường Nguyễn Trung Trực, phường A, thành B, tỉnh K.

(ông N, ông H có mặt tại phiên tòa, khi tuyên án ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Lê Văn N trình bày:

Toàn bộ diện tích đất trên đảo Hòn Dâm thuộc xã C, huyện D do gia đình ông khai phá từ năm 1977 dùng để cất nhà ở và trồng cây ăn trái như xoài, mít, chanh và tre.

Năm 1993 các con ông đi học, nên gia đình ông chuyển vào Hòn Lớn để sinh sống và cho các con ăn học, hàng tháng ông vẫn ra đảo Hòn Dâm thu hoạch hoa màu và cây ăn trái.

Ngày 06/12/2018 ông lên đảo chặt dây leo, đốn hạ các cây rừng sát với cây ăn trái xoài, mít để tạo khoảng trống cho cây ăn trái phát triển thì ông Lê Quang H Hạt Phó Hạt kiểm lâm Kiên Hải và ông Vũ Văn T cán bộ Ban quản lý rừng đến lập biên bản. Ngày 07/12/2018 UBND xã C mời ông đến lập biên bản chặt phá rừng trái phép và lập biên bản vi phạm hành chính.

Ngày 13/12/2018 Đội Trưởng Đội kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng ban hành Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn N.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng xử phạt vi phạm hành chính.

Người bị kiện Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng trình bày ý kiến như sau:

Tại Công văn số: 15/KLCD ngày 08/3/2019 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng về việc trả lời Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N.

Ngày 06/12/2018 Tổ kiểm tra truy quét chống chặt phá rừng huyện Kiên Hải cùng chính quyền địa phương kiểm tra tại Hòn Dâm thuộc ấp Cù Tron, xã C, huyện D. Đã phát hiện và lập biên bản kiểm tra số: 25/BB-KTr ngày 06/12/2018 của Hạt kiểm lâm huyện Kiên Hải, về việc phá rừng trái pháp luật của ông Lê Văn N. Đồng thời, Ban quản lý rừng Hòn Đất - Kiên Hà, đã lập biên bản về việc chặt phá rừng trái pháp luật của ông N, có biểu đồ đo đếm tính trữ lượng, sơ đồ vị trí dính kèm, tất cả các văn bản trên ông N đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình gây ra và ký tên.

Ngày 07/12/2018 Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng đã có biên bản làm việc với ông N, ông N đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình, cùng ngày 07/12/2018 ông Phạm Khánh H kiểm lâm viên; Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng căn cứ vào tính chất và mức độ vi phạm tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số: 18/BB-VPHC ngày 07/12/2018 về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, đối với ông N đã có hành vi phá rừng với tổng diện tích 742m².

Ngày 13/12/2018 Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng ban hành Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn N, đã có hành vi vi phạm về chặt phá rừng trái pháp luật được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ, Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, với số tiền phạt 7.500.000 đồng; Buộc khắc phục hậu quả trồng lại rừng với diện tích 742m² nhưng đến nay ông N vẫn chưa chấp hành quyết định xử phạt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Lê Văn N thừa nhận ông có chặt phá một số cây rừng và dây leo tại đảo Hòn Dâm, ấp Cũ Tron, xã C, huyện D đã bị kiểm lâm lập biên bản và ban hành Quyết định xử phạt ông số tiền 7.500.000 đồng. Ông không đồng ý quyết định xử phạt của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng vì hoàn cảnh ông rất khó khăn, không có khả năng đóng phạt và ông chặt cây trên đất của ông, nên ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định: 19/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn N.

Ông Nguyễn Văn H Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng xác định Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng xử phạt là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đối với người khởi kiện, người bị kiện đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về giải quyết vụ án: Ông Lê Văn N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng xử phạt vi phạm hành chính là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng về việc xử phạt vi phạm hành chính. Quyết định hành chính trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/12/2018, ông Lê Văn N nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng về việc xử phạt vi phạm hành chính. Thời điểm ông N nộp đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định bị kiện:

Về thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng, được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì Đội Trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng có quyền xử phạt và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 2 Điều 26 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ, Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

[4] Xét tính hợp và có căn cứ về nội dung của Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng về xử phạt vi phạm hành chính.

Ông Lê Văn N cho rằng toàn bộ diện tích đất trên đảo Hòn Dâm 4,82 ha

do gia đình khai phá từ năm 1977 sử dụng cho đến nay, có một số người dân biết và xác nhận, cụ thể ông Phạm Sinh N, bà Lu Thị S, ông Trần Văn Ch, ông Phạm Văn T, ông Trần Hoàng L xác nhận (BL số 84, 85), đều có nội dung ông Lê Văn N có sinh sống ở Hòn Dâm tự khai phá trồng cây ăn trái và hoa màu nhưng diện tích đất bao nhiêu và tọa lạc ở đâu thì không xác định được, ngoài tờ xác nhận của một số hộ dân thì ông N không có tài liệu, chứng cứ nào khác liên quan đến phần đất của ông.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thì, diện tích đất 8.294,625m², trong đó có đảo Hòn Dâm 4,82 ha tại xã C, huyện D được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số: 4041/QĐ-UB ngày 31/12/1998 về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển và bảo vệ biên giới để bảo vệ và phát triển rừng tại huyện D, tỉnh K (nay là Ban quản lý rừng HB - KH) (BL số 29, 30). Đến năm 2002 Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển và bảo vệ biên giới đã hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng, gây trồng rừng phòng hộ với Doanh nghiệp tư nhân Trương Mộng T tổng diện tích 4,82 ha (hết diện tích đảo Hòn Dâm) cho đến nay.

Ngày 06/12/2018 Tổ kiểm tra truy quét chống chặt phá rừng huyện KH cùng chính quyền địa phương kiểm tra tại Hòn Dâm thuộc ấp Củ Tron, xã C, huyện D phát hiện và lập biên bản kiểm tra số: 25/BB-KTr ngày 06/12/2018 của Hạt kiểm lâm huyện Kiên Hải về việc phá rừng trái pháp luật của ông Lê Văn N (BL số 35).

Ngày 07/12/2018 Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng đã có biên bản làm việc với ông N, ông N đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình (BL số 40, 41) và lập Biên bản vi phạm hành chính số: 18/BB-VPHC ngày 07/12/2018 về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản (BL số 44, 45) đối với ông N đã có hành vi phá rừng với tổng diện tích 742m² được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Nghị định số: 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ, Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Biên bản số: 18/BB-VPHC được Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính và tại phiên tòa ông N đã thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình.

Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng xử phạt ông N số tiền 7.500.000 đồng và buộc khắc phục quả trồng lại diện tích rừng 742m² hoặc thanh toán chi phí trồng rừng theo suất đầu tư tại địa phương tại thời điểm vi phạm là đúng về hình thức văn bản, đúng trình tự, thủ tục, đúng về thẩm quyền và đúng về nội dung theo quy định tại Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, ông N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng đối với ông N do có hành vi vi phạm về chặt phá rừng trái pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N về việc hủy Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng xử phạt vi phạm hành chính.

[6] Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông N phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết Nghị Quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án nên miễn toàn bộ án phí cho ông N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Điều 28, Điều 43, Điều 58, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.
- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 26 Nghị định số: 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ, Quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

- Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 19/QĐ-XPVPHC ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Đội Trưởng Đội Kiểm lâm Cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng về xử phạt vi phạm hành chính.

2. Về án phí: Ông Lê Văn N thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp án phí.

Án tuyên có mặt ông Nguyễn Văn H, vắng mặt ông Lê Văn N.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

Võ Thanh Huyền

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Đức

Thái Ngọc Minh

Nguyễn Thị Cẩm Thu

Nơi nhận:
THẨM

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngày 20/11/2013 UBND huyện Phú Quốc ban hành các Quyết định thu hồi đất đối với ông Trần Văn Y gồm các Quyết định sau:

- Quyết định số 5637/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 74,4m² đất rừng đặc dụng tại ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 5638/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 27.650,7m² đất rừng đặc dụng tại ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 5639/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 14.867,4m² đất rừng đặc dụng tại ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Tất cả diện tích đất trên được thu hồi để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái Bãi Dài, tại xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc ban hành Quyết định số 5785/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn Y với tổng số tiền là 389.230.700 đồng.

Ông Y xác định về nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi trong 03 Quyết định trên là 42.592,5m² trong đó phần cá nhân ông Y quản lý sử dụng 12.80m², có đơn xin đất năm 1996 được UBND xã Cửa Cạn xác nhận năm 1999.

Phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn Tiền (cha nuôi ông Y) khai khẩn từ năm 1987 cất nhà trồng cây và chăm sóc bảo vệ cây rừng có xác nhận của UBND xã Cửa Cạn năm 2002, có Biên bản xác định ranh giới lập năm 1996 được UBND xã Cửa Cạn xác nhận năm 1998.

Vì đất có nguồn gốc rõ ràng nhưng không được bồi thường theo quy định của pháp luật nên ông Trần Văn Y và các người con của ông Tiền, vợ ông Tiền đã làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện Phú Quốc (vì ông Tiền đã chết vào năm 2008).

Ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 6440/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Y với nội dung:

Sửa đổi, bổ sung 1 phần nội dung Quyết định số 5785/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu du lịch sinh thái Bãi Dài, tại xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Nội dung sửa đổi, bổ sung: Bồi thường QSD đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với diện tích đất 3.130m². Không

thừa nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với diện tích 42.592,5m² của ông Trần Văn Y.

Đôi Quyết định số 5785/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu du lịch sinh thái Bãi Dài, tại xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tuy Quyết định có sai do vật kiến trúc được bồi thường theo thực tế là căn nhà của ông Tiền, do ông Y ở nhờ không phải là của ông Y nhưng trong gia đình đã thỏa thuận để ông Y nhận tiền đền bù sau đó giao lại cho các con của ông Tiền. Còn giá trị quyền sử dụng đất đã được UBND huyện đồng ý bồi thường theo Quyết định số 6640 nên ông Y không yêu cầu hủy. Ông Y rút lại yêu cầu hủy Quyết định số 5785/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu du lịch sinh thái Bãi Dài, tại xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Đối với các Quyết định thu hồi đất ông Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vì việc thu hồi đất của UBND huyện Phú Quốc đã thu hồi sai đối tượng, không đúng quy trình. Ông Y đã khiếu nại nhưng UBND huyện Phú Quốc không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Y.

Ông Nghĩa không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất bị thu hồi vì việc xem xét không làm thay đổi bản chất sự việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất bị thu hồi để xác định rõ hiện nay ai đang quản lý sử dụng, trong khi UBND huyện Phú Quốc lại xác định diện tích đất này không ai sử dụng.

Theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao diện tích đất này cho Ban Quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc quản lý để thực hiện chức năng, nhiệm vụ giao đất, cho thuê đất. Đến thời điểm năm 2013 UBND huyện Phú Quốc mới ban hành Quyết định thu hồi.

Về nội dung: Các Quyết định thu hồi đất đều xác định đất.....

Không thừa nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với diện tích 42.592,5m² của ông Trần Văn Y.

Ông Y yêu cầu Tòa án hủy 03 Quyết định thu hồi đất, cụ thể Quyết định số 5637/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 74,4m² đất rừng đặc dụng tại ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 5638/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 27.650,7m² đất rừng đặc dụng tại ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 5639/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 14.867,4m² đất rừng đặc dụng tại ấp Gành Dầu, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và 01 phần Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Y.

Trong quá trình vụ kiện UBND huyện Phú Quốc, Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt người bị kiện trong suốt quá trình tố tụng thì Tòa án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho ông Trần Đại Nghĩa nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Trần Đại Nghĩa xác định: Ông Trần Văn Y kiện UBND huyện Phú Quốc và Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc yêu cầu Tòa án hủy 03 Quyết định thu hồi đất đối với ông Trần Văn Y để thực hiện Dự án Khu du lịch sinh thái Bãi Dài, tại xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang là các quyết định số Quyết định số 5637/QĐ-UBND; Quyết định số 5638/QĐ-UBND; Quyết định số 5639/QĐ-UBND đều được UBND huyện Phú Quốc ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2013 và hủy 1 phần Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Y phần nội dung: Không thừa nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với diện tích đất 42.592,5m² của ông Trần Văn Y.

Rút lại yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 5785/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu du lịch sinh thái Bãi Dài, tại xã Gành Dầu,

huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Vì Quyết định này có sai sót do vật kiến trúc được bồi thường theo Quyết định thực tế là căn nhà của ông Nguyễn Văn Tiền, ông Y chỉ là ở nhờ, không phải là của ông Y. Tuy nhiên, ông Y và những người thừa kế của ông Tiền đã thỏa thuận để ông Y nhận tiền đền bù sau đó giao lại cho các con và vợ của ông Tiền, còn giá trị quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Phú Quốc đồng ý bồi thường và hỗ trợ theo Quyết định giải quyết khiếu nại 6440 ngày 08/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc nên không cần phải hủy Quyết định 5785/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Tất cả các đương sự đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến xét xử vụ án theo quy định tại Điều 158 và Điều 168 Luật tố tụng hành chính.

2. Nội dung vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc là Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang là Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, thẩm quyền ban hành là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Nội dung giải quyết tranh chấp theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc: Diện tích đất 14.241 m² tại ấp Rạch Tràm, xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được chia thành hai phần. Phần thứ nhất diện tích 8.258,48 m², phần thứ hai diện tích 5.982,74 m². Trước năm 1986 do Nhà nước quản lý. Năm 1986 ông Ngô Tăng Cường vào phát dọn khu đất trên nhưng không rõ diện tích để trồng cây như dừa, đào, xoài, mít... Năm 1994 ông Ngô Tăng Cường cho ông Lê Văn Trị (chồng bà Bùi Thị Bé Ngoan) phần diện tích đất nói trên.

Năm 1995 ông Nguyễn Văn Hai vào phát dọn phần đất trồng phía biên, giáp đất bà Ngoan đang sử dụng cất nhà tạm để ở và trồng cây ngắn ngày như đu đủ, chuối và đào ba cái ao nuôi cá.

Tại biên bản thanh kiểm tra nguồn gốc đất ngày 27/3/2003 do Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc cung cấp (BL 172) ông Ngô Tăng Cường xác định: Đất ông Trị (tức Lê Văn Trị) là tôi cho, nhưng tôi cho từ cây xoài quéo trở về suối và lên lộ, từ cây xoài quéo trở xuống biên là do ông Ún, ông Cáo và ông Phước khai phá.

Tại báo cáo ngày 19/5/2003 của ông Nguyễn Khuê công tác tại Ủy ban nhân dân xã Bãi Thơm về nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất giữ các hộ Nguyễn Văn Hai, Lê Văn Phong, Nguyễn Văn Khang đã nêu: Khu đất của ông Nguyễn Văn Hai đứng ra tranh chấp theo tự nhận của ông Hai là khoảng 6.300 m², khu đất này người khai phá từ năm 1987-1988 là ông Nguyễn Văn Tôn.

Biên bản hòa giải ngày 22/5/2003 của Ủy ban nhân dân xã Bãi Thơm xác định diện tích đất 6.350 m² đất tranh chấp giữa ông Hai với ông Trị có thành quả lao động của ông Hai.

Biên bản hòa giải ngày 22/01/2010 của Ủy ban nhân dân xã Bãi Thơm kết luận: Khu đất tranh chấp trước năm 1990 là đất do Nhà nước quản lý. Năm 1990

ông Nguyễn Văn Tôn vào khai phá nhưng không sử dụng. Năm 1993 ông Nguyễn Văn Hai vào khai phá trồng rau màu, đào ao nuôi cá...

Từ các căn cứ này khẳng định ít nhất có 8.258,48 m² đất trong tổng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc không phải của ông Ngô Tăng Cường khai phá và cho lại vợ chồng bà Bùi Thị Bé Ngoan. Trong các đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Hai, cũng như các biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Bãi Thơm đều thể hiện rõ nội dung ông Hai và bà Ngoan tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Cụ thể: Tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2003, Ủy ban nhân dân xã Bãi Thơm đã yêu cầu ông Trị bồi thường thành quả lao động trên đất cho ông Hai theo giá barem nhà nước.

Biên bản ngày 22/01/2010 ông Hai xác định dừa trên đất do ông trồng, bà Ngoan xác định dừa trên đất tranh chấp do bà trồng.

Từ đó xác định: Ngoài tranh chấp quyền sử dụng đất các đương sự còn tranh chấp tài sản trên đất.

Căn cứ khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003: Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết.

Từ những phân tích trên thấy rằng: Quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc giải quyết vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn Hai với bà Bùi Thị Bé Ngoan là sai thẩm quyền; Nội dung nhận định trong Quyết định chưa phù hợp với các chứng cứ đã thu thập là chưa chính xác.

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc giải quyết không đúng thẩm quyền. Khi có khiếu nại trường hợp này Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phải áp dụng điểm h, khoản 2 Điều 40 Luật khiếu nại ban hành quyết định yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc hủy bỏ quyết định bị khiếu nại và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc giải quyết theo thẩm quyền.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Hai; giữ nguyên Quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc là không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy hai quyết định.

Từ những nhận định trên.

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị, nên chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hai và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hủy quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc và hủy Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Hai với bà Bùi Thị Bé Ngoan.

Về án phí:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003;

Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 33; Điều 158 và Điều 168 Luật tổ tụng hành chính.

Điều 34 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hai.

Hủy Quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc, và hủy Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Hai với bà Bùi Thị Bé Ngoan.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Hai số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, theo biên lai thu tiền số 0004862 ngày 25/02/2016.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Các hội thẩm nhân dân
tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

**Đoàn Thị Kim Loan Đỗ Xuân Vinh
Thu**

Nguyễn Thị Cẩm

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-HC:

(1) Ghi tên Tòa án ra bản án. Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Số: 98/2017/HC-ST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi trích yếu vụ án (ví dụ: về khiếu kiện quyết định thu hồi đất).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Ghi tương tự hướng dẫn tại điểm (1) nhưng thay các chữ “Tòa án nhân dân” bằng “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại...). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày là 02 ngày thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 05 và 06 tháng 12...); nếu số ngày từ 03 ngày trở lên thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 05 đến ngày 07 tháng 12 năm ...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày ... tháng ... đến ngày ... tháng ... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28 tháng 11 đến ngày 02 tháng

12 năm ...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm ...).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý (ví dụ: số 19/2017/TLST-HC).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Người khởi kiện là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh). Người khởi kiện là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người khởi kiện; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thanh Nhung).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người khởi kiện thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện nào.

(16) Nếu người bị kiện là người có thẩm quyền thì ghi chức danh của người bị kiện (ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A); nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú của người đó (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; đề nghị, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, trong đó ghi rõ ý kiến của Viện kiểm sát về các tình tiết, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong bản án, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và áp dụng pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có) để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về những tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận từng yêu cầu, đề nghị cụ thể của đương sự; của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về án phí, chi phí tố tụng (nếu có) và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 196 của Luật TTHC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)